UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: DU LỊCH**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin tổng quát**

|  |
| --- |
| - Tên học phần: **NHẬP MÔN NGÀNH DU LỊCH** |
| - Tên tiếng Anh:**INTRODUCTION TO TOURISM AND HOSPITALITY** |
| - Mã học phần: **DULI017** |
| * E-learning: |
| * E-portfolio: |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Giáo dục đại cương ❑ Cơ sở ngành 🗹 Ngành ❑  Chuyên ngành ❑ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ❑ |
| - Số tín chỉ: 3 (3+0) |
| + Số tiết lý thuyết: 45 |
| + Số tiết thực hành: 0 |
| - Tự học: 90 tiết  + Đọc tài liệu: 45 tiết  + Làm bài tập: 15 tiết  + Thực hiện project: 30 tiết  + Hoạt động khác (nếu có): tiết |
| - Học phần tiên quyết: Không |
| - Học phần học trước: Không |

**2. Mô tả học phần**

Học phần “Nhập môn ngành Du lịch” bao gồm 5 chương giải thích các khái niệm cơ bản trong du lịch, lịch sử hình thành và phát triển của ngành du lịch, tầm quan trọng của du lịch trong mối tương tác với các lĩnh vực khác (kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường), các tổ chức quản lý du lịch, các điều kiện để phát triển du lịch, các hoạt động kinh doanh trong du lịch và các xu hướng du lịch hiện nay.

Song song đó, học phần tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, cũng như củng cố tính kỷ luật, ý thức trách nhiệm và thái độ học tập tích cực của người học.

Ngoài ra, học phần còn giới thiệu với người học về Trường, Khoa và Chương trình đào tạo của ngành Du lịch để người học chủ động trong việc thiết kế lộ trình học tập phù hợp với bản thân.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần “Nhập môn ngành Du lịch” trang bị cho người học:

**Kiến thức**: Các khái niệm cơ bản về du lịch: du lịch, khách du lịch, loại hình du lịch, sản phẩm du lịch; Lịch sử hình thành và phát triển của ngành du lịch trên thế giới và ở Việt Nam; Tầm quan trọng của du lịch và Các điều kiện để phát triển du lịch; Mối tương tác của du lịch với các lĩnh vực khác; Các tổ chức quản lý du lịch; Các hoạt động kinh doanh trong du lịch; Các xu hướng du lịch

**Kỹ năng**: Giao tiếp, Làm việc nhóm

**Thái độ**: Ý thức trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ kỷ luật lao động

**4. Nguồn học liệu**

***Tài liệu bắt buộc:***

[1] LÊ Anh Tuấn, NGUYỄN Thị Mai Sinh, (2015), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB. Giáo dục Việt Nam.

[2] Fletcher J., Fyall A., Gilbert D., Wanhill S., (2018), *Tourism: principles & practice,* Pearson, 662 tr.

***Tài liệu không bắt buộc:***

[3] Chon, K., & Maier, T. (2010). *Welcome to hospitality: an introduction* [ Tổng quan ngành du lịch nhà hàng khách sạn], Nhóm dịch Trường đại học FPT, NXB. Bách Khoa Hà Nội.

***Tài nguyên khác: Người học có thể vào các website sau đây để tìm tư liệu liên quan đến học phần:***

1. <http://www2.unwto.org/>, Tổ chức du lịch thế giới
2. <https://www.wttc.org/>, Hội đồng du lịch và lữ hành thế giới

1. <https://www.pata.org/>, Hiệp hội lữ hành Châu Á – Thái Bình Dương
2. <http://www.vietnamtourism.gov.vn/>, Tổng cục du lịch Việt Nam
3. <http://www.vita.vn/>, Hiệp hội du lịch Việt Nam
4. <https://www.vista.net.vn/>, Hiệp hội lữ hành Việt Nam
5. <http://en.unesco.org/>, Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa thế giới
6. <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/docs/853>, Luật Du lịch Việt Nam

**5. Chuẩn đầu ra học học phần**

**Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra** **của CTĐT theo mức độ sau**:

**N** : Không đóng góp/không liên quan

**S** : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

**H** : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp** | | | | | | | | | |
| DULI017 | Nhập môn ngành Du lịch | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 |
| **N** | **N** | **H** | **N** | **N** | **S** | **H** | **N** | **S** | **H** |

**Chi tiết Chuẩn đầu ra được mô tả trong bảng sau**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | | **CĐR của CTĐT**  **(ELOx)** |
| Kiến thức | CELO1 | **Xác định và đánh giá** vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của du lịch đối với một địa phương | ELO3 |
| CELO2 | **Đề xuất** một kế hoạch phát triển một loại hình du lịch dựa trên các điều kiện của một địa phương | ELO3 |
| Kỹ năng | CELO3 | **Vận dụng** tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả | ELO6 |
| CELO4 | **Thực hiện** thành thạo khả năng làm việc nhóm và giải quyết sáng tạo các vấn đề | ELO7 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | CELO5 | **Xây dựng** cho bản thân ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ kỷ luật lao động | ELO9  ELO10 |

**6. Chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra**  **CELOx** | **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Mô tả chỉ báo thực hiện** |
| CELO1 | CELO1.1 | Giải thích các khái niệm cơ bản về du lịch, lịch sử phát triển của ngành du lịch trên thế giới và ở Việt Nam, các loại hình du lịch, vai trò của các tổ chức quản lý du lịch |
| CELO1.2 | Phân tích vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của du lịch của điểm đến thông qua mối tương tác của du lịch với các lĩnh vực khác (kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường) |
| CELO2 | CELO2.1 | Phân tích các điều kiện phát triển du lịch của địa phương |
| CELO2.2 | Đề xuất kế hoạch phát triển một loại hình du lịch phù hợp cho địa phương |
| CELO3 | CELO3.1 | Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói |
| CELO3.2 | Giao tiếp hiệu quả bằng văn bản |
| CELO3.3 | Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện |
| CELO4 | CELO4.1 | Thiết lập và triển khai hoạt động nhóm |
| CELO4.2 | Kết nối sự tham gia tích cực của thành viên trong nhóm |
| CELO5 | CELO5.1 | Thể hiện ý thức trách nhiệm |
| CELO5.2 | Tuân thủ tính kỷ luật của học phần và của ngành |

1. **Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tỉ lệ (%)** |
| **Đánh giá quá trình** | | | | **50** |
| Thảo luận trong lớp (Rubric 1) | * Tham dự các buổi học * Tham gia tích cực đóng góp ý kiến, hoàn thành bài tập | Suốt học phần | CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | 20 |
| Trắc nghiệm và Tự Luận | - 10 bài kiểm tra trắc nghiệm. Mỗi bài 15 câu, thời gian: 10phút  - 1 bài tự luận 60phút (sử dụng tài liệu) | Trắc nghiệm: suốt học phần  Tự Luận: buổi 5 | CELO1.1  CELO1.2  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | 30 |
| **Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50** |
| Tiểu luận  (Rubric 3-4)  [Điểm của Rubric 3 \* trọng số của Rubric 4] | * Tiểu luận nhóm | Nộp vào sau khi kết thúc buổi học cuối 2 tuần | CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | 50 |

**Lưu ý:** đối với các hình thức kiểm tra đánh giá học phần khác nhau như: thảo luận, làm bài tập nhóm, thuyết trình, vấn đáp, E-learning… phải xây dựng các rubrics đánh giá khác nhau. Phần Phụ lục chỉ là hướng dẫn gợi ý.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

**8.1. Lý thuyết**

| **Buổi** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy và học** | **Chỉ báo thực hiện** | **TLTK** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1**  **(5 tiết)** | ***Giới thiệu Trường, Khoa và Chương trình đào tạo ngành Du lịch:***   * Thông tin chung về Trường, Khoa: sứ mệnh, tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục * Thông tin về CTĐT ngành Du lịch:   + Triết lý đào tạo của ngành   + Mục tiêu   + Chuẩn đầu ra   + Vị trí nghề nghiệp   + Cấu trúc chương trình   ***Giới thiệu đề cương chi tiết học phần Chương 1 – Các khái niệm cơ bản trong du lịch***   * Du lịch * Khách du lịch * Sản phẩm du lịch * Loại hình du lịch   🡪 Cung du lịch  🡪 Cầu du lịch | **Hoạt động dạy:**   * Giảng bài * Câu hỏi dẫn dắt * Thảo luận nhóm   **Hoạt động tự học:**   * Trả lời các câu hỏi chương 1 * Đọc trước chương 2 * Làm việc theo nhóm   **Hoạt động đánh giá:**   * Rubric 1 | CELO1.1  CELO3.1  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | * [1] trang 27 – 47 * [2] trang 1 – 19 * Luật du lịch Việt năm 2017 |
| **2**  **(5 tiết)** | **Hướng dẫn thực hiện Tiểu luận cuối kỳ** | **Hoạt động dạy:**   * Hướng dẫn cách thức thực hiện Tiểu luận cuối kỳ * Trả lời thắc mắc   **Hoạt động tự học:**   * Thảo luận giải đáp thắc mắc   **Hoạt động đánh giá:**  Rubric 1 | CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 |  |
| **3**  **(5 tiết)** | ***Chương 2: Lịch sử hình thành & phát triển của du lịch***   * Du lịch thế giới * Du lịch Việt Nam * Tầm quan trọng của du lịch | **Hoạt động dạy:**   * Giảng bài * Câu hỏi dẫn dắt * Thảo luận nhóm   **Hoạt động tự học:**   * Trả lời các câu hỏi chương 2 * Đọc trước chương 3 * Làm việc theo nhóm   **Hoạt động đánh giá:**   * Rubric 1 | CELO1.2  CELO3.1  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | * [1] trang 19 – 26 * [2] trang |
| **4**  **(5 tiết)** | ***Chương 3: Mối tương tác của du lịch với các lĩnh vực khác***   * Du lịch – Kinh tế * Du lịch – Văn hóa * Du lịch – Xã hội * Du lịch – Môi trường * Du lịch có trách nhiệm | **Hoạt động dạy:**   * Giảng bài * Câu hỏi dẫn dắt * Thảo luận nhóm * Giải quyết vấn đề   **Hoạt động tự học:**   * Trả lời các câu hỏi chương 3 * Đọc trước chương 4 * Làm việc theo nhóm   **Hoạt động đánh giá:**   * Rubric 1 | CELO1.2  CELO3.1  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | * [1] trang 48 – 62 * [2] trang 145 – 395 |
| **5**  **(5 tiết)**  **6**  **(5 tiết)** | ***Kiếm tra tự luận 60phút***  ***Chương 4: Các điều kiện phát triển du lịch & Các tổ chức quản lý du lịch***   * Các tổ chức quản lý du lịch trên thế giới và tại Việt Nam * Các xu hướng du lịch hiện nay trên thế giới và tại Việt Nam * Các điều kiện phát triển du lịch * Các yếu tố tác động đến sự phát triển của du lịch | **Hoạt động dạy:**   * Thi trực tuyến Elearning * Giảng bài * Câu hỏi dẫn dắt * Thảo luận nhóm * Giải quyết vấn đề   **Hoạt động tự học:**   * Trả lời các câu hỏi chương 4 * Đọc trước chương * Làm việc theo nhóm   **Hoạt động đánh giá:**   * Rubric 1 * Rubric 2 đánh giá bài kiểm tra tự luận | CELO1.1  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | * [1] trang 63 – 84, trang 226 – 249 * [2] trang 122 – 141 |
| **7**  **(5 tiết)**  **8**  **(5 tiết)** | ***Chương 5: Các lĩnh vực trong kinh doanh du lịch***   * Hệ thống vận chuyển * Kinh doanh lưu trú * Kinh doanh ăn uống * Giải trí * Kinh doanh lữ hành * Nghề nghiệp trong ngành du lịch | **Hoạt động dạy:**   * Giảng bài * Câu hỏi dẫn dắt * Thảo luận nhóm * Giải quyết vấn đề   **Hoạt động tự học:**   * Trả lời các câu hỏi chương 5 * Làm việc theo nhóm   **Hoạt động đánh giá:**   * Rubric 1 | CELO2.1  CELO3.1  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | * [1] trang 85 – 107 * [2] trang 203 – 446 * Luật du lịch Việt năm 2017 |
| **9**  **(5 tiết)** | ***Chương 6: Quản Lý Sự Kiện***  - Lịch sử phát triển của ngành sự kiện  - Các loại hình sự kiện  - Các xu hướng hiện tại của của ngành sự kiện.  - Hướng phát triển trong tương lai  - Phát triển bền vững ngành sự kiện | **Hoạt động dạy:**   * Hướng dẫn cách thức thực hiện Tiểu luận cuối kỳ * Trả lời thắc mắc   **Hoạt động tự học:**   * Thảo luận giải đáp thắc mắc   **Hoạt động đánh giá:**   * Rubric 1 | CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | * [2] trang 370 - 381 |

**9. Hướng dẫn học phần**

**9.1. Đối với sinh viên**

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

* Giờ tự học: Ngoài giờ lên lớp theo thời khóa biểu, sinh viên sẽ phải đầu tư 90 giờ tự học/ tín chỉ lý thuyết và thực hành như:
  + - Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy.
    - Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm
    - Hoàn tất nhật ký việc tự học.
* Trên lớp học, sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
* Sinh viên đi học đúng giờ theo quy định, nếu đi trễ quá 10 phút sẽ không được vào lớp học
* Nếu sinh viên vắng quá 3 buổi học sẽ bị cấm thi
* Sinh viên vắng vào buổi thuyết trình không có lý do chính đáng sẽ nhận 0 điểm
* Trong 2 buổi học đầu tiên, sinh viên lập các nhóm học tập (mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên), cử 1 nhóm trưởng. Giảng viên không giải quyết các vấn đề liên quan đến nhóm từ buổi học thứ 3 trở đi
  1. **Đối với giảng viên**

Giảng viên cần đảm bảo các nhiệm vụ sau:

* Triển khai đầy đủ các nội dung của ĐCCT học phần giảng dạy: vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra, mô tả học phần, tài liệu học tập, phương pháp đánh giá, rubrics đánh giá, trọng số đánh giá, thời điểm đánh giá, phương pháp dạy và học, kế hoạch giảng dạy, thông tin liên hệ của giảng viên;
* Phương pháp giảng dạy đáp ứng triết lý lấy người học làm trọng tâm, phát huy được tính tực cực, chủ động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề và khả năng tự học của người học;
* Công bố điểm và giải đáp thắc mắc về điểm cho người học đúng thời gian quy định;
* Thực hiện đúng nội dung và tiến độ theo kế hoạch giảng dạy của học phần;

**10. Phiên bản chỉnh sửa**

Lần 1, ngày 03/07/2020

**12. Phụ trách học phần**

- Chương trình: Du lịch Khoa: Xã Hội Nhân Văn

- Giảng viên: Hồ Như Ngọc

- Địa chỉ và email liên hệ: ngochn@tdmu.edu.vn

- Điện thoại: 0961165486

*Bình Dương, ngày 03 tháng 07 năm 2021*

**GIÁM ĐỐC CTĐT GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**PHÒNG ĐTĐH TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PHỤ LỤC   
RUBRICS CÁC BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (Thang điểm 10)**

**ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH: Rubric 1 – 2 – 4**

**ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ: RUBRIC 3 – 4**

1. **Rubric 1 – Tham gia lớp**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **100%-80%** | **Khá**  **79%-65%** | **Trung bình**  **64%-50%** | **Kém**  **49%-0%** |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2 | Thái độ tham dự | 50 | Luôn chú ý và tham gia các hoạt động | Khá chú ý, có tham gia | Có chú ý, ít tham gia | Không chú ý/không tham gia |
| CELO5.1  CELO5.2 | Thời gian tham dự | 50 | * Dưới 3 buổi: 0 điểm * Từ 3 – 5 buổi: 5 điểm * Từ 6 – 9 buổi: 7 điểm * Đủ 10 buổi: 10 điểm | | | |

1. **Rubric 2 – Đánh giá bài thi Tự Luận**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **100%-80%** | **Khá**  **79%-65%** | **Trung bình**  **64%-50%** | **Kém**  **49%-0%** |
| CELO1.1  CELO1.2  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3 | Nội dung đáp ứng yêu cầu | 20 | Phong phú hơn yêu cầu | Đầy đủ theo yêu cầu | Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng | Thiếu nhiều nội dung quan trọng |
| 40 | Chính xác, khoa học. | Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ. | Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng. | Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng |
| 30 | Lập luận vững chắc, diễn đạt ý rất rõ ràng, mạch lạc | Lập luận khá vững chắc, diễn đạt ý khá rõ ràng, mạch lạc | Lập luận tương đối vững chắc, diễn đạt ý tương đối rõ ràng, mạch lạc | Lập luận thiếu vững chắc, diễn đạt ý không rõ ràng, không mạch lạc |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3 | Hình thức | 10 | Đảm bảo đủ số từ và trả lời đầy đủ tất cả các câu hỏi theo quy định | Không bảo đủ số từ (nhiều hoặc ít hơn quy định) nhưng vẫn trả lời đầy đủ tất cả các câu hỏi theo quy định | Không đảm bảo đủ số từ và trả lời thiếu một 1 phần câu hỏi theo quy định | Không đảm bảo số từ. Không trả lời được câu hỏi đề bài. |

1. **Rubric 3 – Đánh giá Tiểu luận nhóm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **100%-80%** | **Khá**  **79%-65%** | **Trung bình**  **64%-50%** | **Kém**  **49%-0%** |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO5.1  CELO5.2 | Hình thức trình bày báo cáo | 10 | Trình bày đúng qui định về định dạng không mắc lỗi chính tả. Văn phong sáng sủa, mạch lạc | Còn một số sai sót về định dạng/lỗi chính tả. Văn phong khá sáng sủa, mạch lạc | Còn nhiều sai sót về định dạng/lỗi chính tả. Văn phong lủn củn nhưng vẫn có thể hiểu được | Trình bày không đúng định dạng, mắc nhiều lỗi chính tả. Nhiều chỗ thiếu rõ ràng gây khó hiểu |
| CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | Đặt vấn đề | 20 | Trình bày rõ ràng và thuyết phục về tầm quan trọng của vấn đề | Nêu được sự cần thiết về tầm quan trọng của vấn đề | Trình bày chưa đầy đủ về sự cần thiết về tầm quan trọng của vấn đề | Không nêu được sự cần thiết về tầm quan trọng của vấn đề |
| CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | Giải quyết vấn đề | 60 | Trả lời đầy đủ các vấn đề đặt ra, rõ ràng và chính xác | Trả lời đúng nội dung yêu cầu nhưng còn sai sót nhỏ | Trả lời đúng một số câu hỏi, còn sai sót quan trọng | Không trả lời được đa số câu hỏi |
| CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | Kết luận | 10 | Kết luận ngắn gọn, rõ ràng, rút ra được các bài học kinh nghiệm sâu sắc | kết luận ngắn gọn, rõ ràng, rút ra được một số bài học kinh nghiệm có giá trị | Kết luận hợp lý nhưng dài dòng, rút ra được rất ít bài học kinh nghiệm có giá trị | Kết luận không phù hợp với kết quả đạt được, không nêu được bài học kinh nghiệm có giá trị |

1. **Rubric 4 – Đánh giá cá nhân trong làm việc nhóm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **100%-80%** | **Khá**  **79%-65%** | **Trung bình**  **64%-50%** | **Kém**  **49%-0%** |
| CELO5.1  CELO5.2 | Thời gian tham gia họp nhóm đầy đủ | 15 | Chia đều cho số lần họp nhóm | | | |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | Thái độ tham gia tích cực | 15 | Kết nối tốt | Kết nối khá tốt khác | Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhỡ | Không kết nối |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | Ý kiến đóng góp hữu ích | 20 | Sáng tạo/rất hữu ích | Hữu ích | Tương đối hữu ích | Không hữu ích |
| CELO5.1  CELO5.2 | Thời gian giao nộp sản phẩm đúng hạn | 20 | Đúng hạn | Trễ ít, không gây ảnh hưởng | Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng quan trọng nhưng đã khắc phục | Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng không thể khắc phục |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO5.1  CELO5.2 | Chất lượng sản phẩm giao nộp tốt | 30 | Đáp ứng tốt/sáng tạo | Đáp ứng khá tốt yêu cầu | Đáp ứng một phần yêu cầu, còn sai sót quan trọng | Không sử dụng được |

**\* Ghi chú:**

- Điểm tổng kết học phần sẽ được tính dựa vào tỷ lệ mô tả ở mục 7, tính thành 2 cột điểm:

1. Điểm quá trình

2. Điểm kết thúc học phần